TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH TRÌ
TP HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2019/DSST
Ngày: 23/01/2019
V/v:Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRÌ, TP HÀ NỘI
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Mai Thu

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Văn Thang

2. Ông Nguyễn Đình Thọ

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Trần Thị Thu Hiền - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì tham gia phiên tòa: Ông Tô Xuân Tùng - Kiểm sát viên sơ cấp

Ngày 23 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Trì xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 04/2018/TLST-DS ngày 16/01/2018 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2018/QĐST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng TMCP Q Việt Nam**

Trụ sở chính: tầng 1 (tầng trệt) và tầng 2 Tòa nhà S, số 111A phố P, phường B, quận 1, TP Hồ Chí Minh

Đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V - SN 1965

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Thu H - SN 1976

Chức vụ: Giám đốc Trung tâm Quản lý nợ khách hàng cá nhân - Khối Quản trị rủi ro - Ngân hàng TMCP Q Việt Nam

(Giấy ủy quyền số 0161/2016/UQ-VIB ngày 31/3/2016)

Người được ủy quyền lại:

1/ Bà Ngô Thị Thu H - SN 1974(Có mặt)

Cán bộ Ngân hàng TMCP Q Việt Nam

2/ Ông Nguyễn Văn H - SN 1976 (Vắng mặt)

Cán bộ Ngân hàng TMCP Q Việt Nam

(Giấy ủy quyền số 3.0708.18 ngày 27/3/2018)

- *Bị đơn:* 1/ **Ông Lê Minh H** - SN 1970 (Có mặt)

2/ **Bà Lê Thị T** - SN 1972 (Có mặt)

ĐKHKTT: đội 12, thôn S, xã T, huyện T, TP Hà Nội

Nơi cư trú: đội 10, thôn S, xã T, huyện T, TP Hà Nội

3/ **Ông Lê Vinh L** - SN 1977 (Vắng mặt)

4/ **Bà Nguyễn Thị Q** - SN 1979 (Vắng mặt)

ĐKHKTT+nơi cư trú: đội 12, thôn S, xã T, huyện T, TP Hà Nội

- *Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông Lê Vinh L - SN 1977 (Vắng mặt)

2/ Bà Nguyễn Thị Q - SN 1979 (Vắng mặt)

ĐKHKTT+nơi cư trú: đội 12, thôn S, xã T, huyện T, TP Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 31/3/2016 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là Ngân hàng TMCP Q Việt Nam do bà Ngô Thị Thu H đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 17/4/2014, Ngân hàng TMCP Q Việt Nam - Phòng Giao dịch M và vợ chồng các ông Lê Vinh L bà Nguyễn Thị Q, ông Lê Minh H bà Lê Thị T ký Hợp đồng tín dụng (Khách hàng cá nhân vay món) số 197/HĐTD1-VIB066/14, theo đó Ngân hàng cho vợ chồng ông L bà Q và vợ chồng ông H bà T vay số tiền 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng) với mục đích mua sắm vật dụng gia đình. Thời hạn vay là 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên theo hợp đồng; lãi suất và phương thức trả nợ hai bên đã tự nguyện thống nhất ký trong hợp đồng.

Để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán của khoản vay trên, ngày 29/5/2013, vợ chồng ông Lê Vinh L bà Nguyễn Thị Q đã tự nguyện ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà (của bên thứ 3 là cá nhân) số công chứng 1715/2013, quyển số 04 TP/CC-SCC/HĐTC tại Văn phòng Công chứng H -TP Hà Nội; theo đó vợ chồng ông L bà Q thế chấp toàn bộ quyền sử dụng đất tại thửa số 116, tờ bản đồ số 17, diện tích 155m2 tại thôn S, xã T, huyện T, TP Hà Nội (thể hiện tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 454634 mang tên ông Lê Vinh L bà Nguyễn Thị Q do UBND huyện Thanh Trì cấp ngày 30/12/2005, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 2004/2005/QĐ-UB/00557, MS 10134900). Các bên đã đăng ký giao dịch đảm bảo tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện T ngày 30/5/2013.

Theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng thì ngày 17/4/2014, Ngân hàng đã giải ngân bằng tiền mặt một lần số tiền 800.000.000 đồng cho vợ chồng các ông Lê Vinh L bà Nguyễn Thị Q, ông Lê Minh H bà Lê Thị T. Các ông Lê Vinh L bà Nguyễn Thị Q, ông Lê Minh H bà Lê Thị T là người ký khế ước nhận nợ và đã nhận đủ số tiền trên.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, vợ chồng các ông Lê Vinh L bà Nguyễn Thị Q, ông Lê Minh H bà Lê Thị T không thanh toán cho Ngân hàng Q như đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Tạm tính đến ngày 30/10/2018, vợ chồng các ông Lê Vinh L bà Nguyễn Thị Q, ông Lê Minh H bà Lê Thị T còn nợ tiền gốc là 655.526.168 đồng; nợ lãi trong hạn là 207.946.154 đồng; nợ lãi quá hạn là 247.728.578 đồng; tổng cộng còn nợ là 1.111.200.900 đồng. Ngân hàng yêu cầu vợ chồng các ông Lê Vinh L bà Nguyễn Thị Q, ông Lê Minh H bà Lê Thị T trả số nợ trên, nếu không trả được thì đề nghị phát mại tài sản thế chấp là nhà đất mang tên ông Lê Vinh L bà Nguyễn Thị Q tại thôn S, xã T, huyện T, TP Hà Nội để trả nợ. Ngoài ra, Ngân hàng không yêu cầu hay đề nghị gì khác.

Tại văn bản ngày 11/01/2018, bị đơn là ông Lê Minh H bà Lê Thị T trình bày:

Ông bà xác nhận vợ chồng ông bà và vợ chồng ông Lê Vinh L bà Nguyễn Thị Q cùng vay số tiền 800.000.000 đồng của Ngân hàng TMCP Q Việt Nam tại hợp đồng tín dụng như Ngân hàng ở trên là đúng. Để đảm bảo cho khoản vay này, ông Lê Vinh L bà Nguyễn Thị Q đã tự nguyện thế chấp tài sản là toàn bộ quyền sử dụng đất tại thửa số 116, tờ bản đồ số17, diện tích 155m2 tại thôn S, xã T, huyện T, TP Hà Nội, đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất mang tên ông L bà Q. Vợ chồng ông bà đã đầu tư tiền để mua đất và đã gặp rủi ro thua lỗ nên còn nợ như phía Ngân hàng đã khai ở trên. Hiện nay do làm ăn kinh tế khó khăn, ông bà chưa có tiền trả cho Ngân hàng như đã ký kết. Ông bà xin thu xếp để trả nợ dần.

Đối với ông Lê Vinh L bà Nguyễn Thị Q là bị đơn trong vụ án:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng những người này vắng mặt không có lý do. Đại diện Tòa án đã nhiều lần cùng đại diện chính quyền địa phương đến nhà gia đình ông L bà Q tại địa chỉ đội 12, thôn S, xã T, huyện T, TP Hà Nội để lấy lời khai và giải quyết vụ án, nhưng đều không làm việc được do họ không có mặt ở nhà. Do vậy đại diện Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng và các tài liệu chứng cứ theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa hôm nay:

Đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm khởi kiện như đã trình bày ở trên. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm 21/01/2019, vợ chồng ông H bà T và vợ chồng ông L bà Q còn

nợ Ngân hàng TMCP Q số tiền như sau: nợ gốc là 655.526.168 đồng; nợ lãi trong hạn là 209.174.284 đồng; nợ lãi quá hạn là 285.224.669 đồng; tổng cộng là 1.149.925.121 đồng. Khi vay thì cả bốn ông bà có tên nêu trên cùng ký hợp đồng vay, nhưng các bên không thỏa thuận cụ thể là mỗi người vay bao nhiêu. Nay Ngân hàng yêu cầu các ông bà có tên nêu trên có trách nhiệm đồng trả nợ chứ Ngân hàng không bóc tách là mỗi người phải trả nợ bao nhiêu. Nếu phía bị đơn trả đủ tiền thì Ngân hàng sẽ tất toán khoản vay và trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L bà Q. Ngân hàng không đồng ý miễn các khoản lãi như đề nghị của vợ chồng ông H. Nếu không trả được thì đề nghị phát mại tài sản thế chấp là nhà đất mang tên ông Lê Vinh L bà Nguyễn Thị Q tại thôn S, xã T, huyện T, TP Hà Nội để trả nợ. Về lãi suất thì yêu cầu bị đơn tiếp tục trả lãi suất nợ quá hạn tính trên số tiền gốc chưa trả tương ứng với thời điểm chưa thanh toán, đúng theo hợp đồng tín dụng đã ký tính từ thời điểm xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

Ông Lê Minh H bà Lê Thị T có quan điểm: Ông bà xác nhận còn nợ như Ngân hàng đã khai trên là đúng. Mặc dù vợ chồng ông bà và vợ chồng ông L bà Q cùng đứng là người tên ký hợp đồng vay tiền của Ngân hàng, nhưng thực tế chỉ có vợ chồng ông bà là người đã sử dụng số tiền vay, còn vợ chồng ông L bà Q không sử dụng số tiền này. Tiền lãi và tiền gốc đã trả hàng tháng do ông bà đứng ra trả. Do đó ông bà xin tự nguyện nhận trách nhiệm trả toàn bộ số tiền còn nợ cho Ngân hàng, nhưng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên ông bà xin Ngân hàng miễn toàn bộ các khoản lãi, chỉ xin trả gốc. Khi nào ông bà bán được đất thì sẽ trả nợ cho Ngân hàng.

Bị đơn là ông Lê Vinh L bà Nguyễn Thị Q vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mặc dù đã được triệu tập hợp lệ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì có quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng; bị đơn, người liên quan không chấp hành quy định của pháp luật tố tụng dân sự, vắng mặt nhiều lần không rõ lý do. Do vậy việc ra bản án vắng mặt bị đơn, người liên quan là phù hợp quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc vợ chồng ông Lê Vinh L bà Nguyễn Thị Q và vợ chồng ông Lê Minh H bà Lê Thị T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q Việt Nam số tiền nợ gốc nợ gốc là 655.526.168 đồng; nợ lãi trong hạn là 209.174.284 đồng; nợ lãi quá hạn là 285.224.669 đồng; tổng cộng là 1.149.925.121 đồng. Nếu không trả được nợ thì phát mại tài sản thế chấp mang tên ông Lê Vinh L bà Nguyễn Thị Q để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và quan điểm phản đối của bị đơn và những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự và quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015

[2] Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Thanh Trì, TP Hà Nội theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử xác định vụ án này vẫn còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 184 ; Điều 185 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Điều 159 - Bộ luật dân sự 2006.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy: Hợp đồng tín dụng (Khách hàng cá nhân vay món) số 197/HĐTD1-VIB066/14 ký ngày 17/4/2014 giữa Ngân hàng TMCP Q Việt Nam với vợ chồng ông Lê Vinh L bà Nguyễn Thị Q và vợ chồng ông Lê Minh H bà Lê Thị T là hoàn toàn tự nguyện và đúng pháp luật. Hình thức, nội dung hợp đồng phù hợp với các quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý và có hiệu lực thi hành đối với các bên. Sau khi nhận đủ số tiền vay và trong quá trình thực hiện hợp đồng, vợ chồng ông L bà Q và vợ chồng ông H bà T chưa trả đủ tiền gốc và các khoản lãi phát sinh tiếp theo nên đã vi phạm khoản 1 Điều 5 Hợp đồng tín dụng; vi phạm Điều 56 - Luật các tổ chức tín dụng quy định về quyền và nghĩa vụ của khách hàng. Do đó Ngân hàng TMCP Q Việt Nam có quyền chuyển khoản vay sang nợ quá hạn và yêu cầu thanh toán trả nợ là có cơ sở chấp nhận.

[6] Về lãi suất đã được Ngân hàng tính toán, thực hiện theo đúng hợp đồng, phù hợp với quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước về lãi suất từng thời điểm tương ứng. Cam kết của các bên trong hợp đồng về lãi suất là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại thời điểm ký kết hợp đồng nên được xác định là hợp pháp, có hiệu lực thi hành đối với các bên.

[7] Về quan điểm của ông Lê Minh H bà Lê Thị T xin tự nguyện trả toàn bộ số nợ còn lại cho Ngân hàng TMCP Q Việt Nam: xét đây là sự tự nguyện của đương sự, không trái pháp luật nên được chấp nhận. Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông Lê Vinh L và bà Nguyễn Thị Q không có mặt nên không thể hiện được quan điểm về việc trả nợ. Do đó, nếu sau này các ông Lê Minh H, bà Lê Thị T, ông Lê Vinh L, bà Nguyễn Thị Q có tranh chấp và có yêu cầu về nghĩa vụ trả nợ này thì dành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng vụ án dân sự khác.

[8] Đối với Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà (của bên thứ 3 là cá nhân) số công chứng 1715/2013, quyển số 04 TP/CC-SCC/HĐTC ký ngày 29/5/2013 giữa Ngân hàng TMCP Q Việt Nam với vợ chồng ông Lê Vinh L bà Nguyễn Thị Q tại Văn phòng Công chứng H -TP Hà Nội và được đăng ký giao dịch đảm bảo theo đúng quy định tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền; việc thế chấp là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Như vậy Hội đồng xét xử xác định việc thế chấp tài sản đảm bảo là phù hợp với thỏa thuận của các bên về tài sản đảm bảo. Nay Ngân hàng yêu cầu phát mại toàn bộ tài sản thế chấp để thu hồi nợ, xét yêu cầu này là hợp pháp, đúng theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng nên yêu cầu của Ngân hàng TMCP Q về xử lý tài sản đảm bảo do bị đơn không thanh toán hết các khoản nợ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu đòi nợ của Ngân hàng TMCP Q Việt Nam đối với vợ chồng ông Lê Vinh L bà Nguyễn Thị Q và vợ chồng ông Lê Minh H bà Lê Thị T theo Hợp đồng tín dụng (Khách hàng cá nhân vay món) số 197/HĐTD1-VIB066/14 ký ngày 17/4/2014, tính đến ngày 21/01/2019 như sau: nợ gốc là 655.526.168 đồng; nợ lãi trong hạn là 209.174.284 đồng; nợ lãi quá hạn là 285.224.669 đồng; tổng cộng là 1.149.925.121 đồng. Trong đó buộc vợ chồng ông Lê Minh H bà Lê Thị T có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ này cho Ngân hàng. Trường hợp phía bị đơn không thanh toán trả đủ số nợ trên thì chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ.

Về án phí: Yêu cầu của Ngân hàng TMCP Q Việt Nam được Tòa án chấp nhận, do vậy theo quy định tại khoản 2 Điều 26 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Lê Minh H và bà Lê Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 36.000.000 đồng + (349.925.121 đồng x 3%) = 46.947.000 đồng. Xét hoàn cảnh kinh tế gia đình ông H bà T khó khăn và có xác nhận của chính quyền địa phương nên được giảm ½ án phí dân sự sơ thẩm .Vợ chồng ông H bà T còn phải chịu 23.248.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Ngân hàng TMCP Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Cơ quan thi hành án dân sự huyện T.

Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, 273 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điểm b khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 184; các Điều 185, 271, 273 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015

- Các Điều 342, 348, 351, 355, 471, 474, 715, 717, 718, 719, 720, 721 - Bộ luật dân sự 2005

- Các Điều 51, 56, 58, 59, 60 - Luật các Tổ chức tín dụng

- Khoản 1 Điều 13, khoản 2 Điều 26 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

- Điều 26 - Luật Thi hành án

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q Việt Nam đối với ông Lê Vinh L bà Nguyễn Thị Q và ông Lê Minh H bà Lê Thị T.

2/ Buộc ông Lê Minh H và bà Lê Thị T phải trả nợ cho Ngân hàng TMCP Q Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng (Khách hàng cá nhân vay món) số 197/HĐTD1-VIB066/14 ký ngày 17/4/2014 như sau:

- Tiền nợ gốc: 655.526.168 đồng

- Nợ lãi trong hạn: 209.174.284đồng

- Nợ lãi quá hạn: 285.224.669 đồng

Tổng cộng là **1.149.925.121** (*một tỷ một trăm bốn chín triệu chín trăm hai lăm ngàn một trăm hai mốt đồng*)

* Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Lê Minh H và bà Lê Thị T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3/ Trường hợp ông Lê Minh H và bà Lê Thị T không trả được khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP Q Việt Nam có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự kê biên, phát mại tài sản sau đây để thu hồi nợ: toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 116, tờ bản đồ số 17, diện tích 155m2 tại thôn S, xã T, huyện T, TP Hà Nội đã được UBND huyện Thanh T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 454634 ngày 30/12/2005 mang tên ông Lê Vinh L bà Nguyễn Thị Q (vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất số 2004/2005/QĐ-UB/00557), được thế chấp cho Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà (của bên thứ 3 là cá nhân) số công chứng 1715/2013, quyển số 04 TP/CC-SCC/HĐTC ký ngày 29/5/2013 giữa Ngân hàng TMCP Q Việt Nam với vợ chồng ông Lê Vinh L bà Nguyễn Thị Q tại Văn phòng Công chứng H -TP Hà Nội

4/ Về án phí:

- Ông Lê Minh H và bà Lê Thị T phải chịu 23.248.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Ngân hàng TMCP Q Việt Nam không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được trả lại số tiền tạm ứng án phí 17.000.000 đồng đã nộp tại BL số AA/2012/08699 ngày 15/01/2018 tại cơ quan Thi hành án dân sự huyện T

5/ Về quyền kháng cáo:

Ngân hàng TMCP Q Việt Nam, ông Lê Minh H, bà Lê Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Lê Vinh L, bà Nguyễn Thị Q có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

6/ Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định của tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Mai Thu